

# ẢN DỤ Ý NIỆM VỀ VẺ ĐẸP NGOẠI HÌNH CỦA CON NGƯỜI TRONG TIẾNG VIỆT

Lê Lâm Thi\*

Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận đăng: 29/09/2017; Hoàn thành phần biên: 30/10/2017; Duyệt đăng: 27/12/2017

**Tóm tắt:** Những năm gần đây, nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm đã được nhiều người quan tâm, các công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm cũng khá nhiều. Tuy nhiên, hầu hết các công trình nghiên cứu đều xuất phát từ ý niệm miền nguồn (động vật, thực vật, nước, lửa, bộ phận cơ thể người, cảm giác...), chưa có nhiều công trình xuất phát từ ý niệm miền đích để thiết lập lại những cấu trúc ánh xạ. Hơn nữa, trong quá trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm, chúng tôi nhận thấy phạm trù con người là một miền đích rất phổ biến trong các ánh xạ ẩn dụ ý niệm. Các nghiên cứu từ trước đến nay cũng chỉ tập trung vào khía cạnh tâm lý, tình cảm, cảm giác, cảm xúc... của con người, chưa có một đề tài độc lập nào nghiên cứu về sự ánh xạ ẩn dụ từ những miền nguồn khác nhau đến miền đích là vẻ đẹp ngoại hình của con người. Mục đích bài viết này của chúng tôi là muốn đi sâu phân tích sự chiếu xạ (mapping) trong các ẩn dụ ý niệm từ những miền nguồn khác nhau đến miền đích là vẻ đẹp ngoại hình của con người.

**Từ khóa:** ẩn dụ, tiếng Việt, vẻ đẹp ngoại hình, ý niệm

## 1. Mở đầu

Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, vấn đề ẩn dụ đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau và theo những cách tiếp cận khác nhau. Trong một thời gian dài, ẩn dụ được xem là một biện pháp tu từ, là hình thức trang trí trong ngôn ngữ nghệ thuật và hùng biện. Phải đến năm 1980, với công trình *Metaphors We live by* của George Lakoff và Mark Johnson, lý thuyết tri nhận về ẩn dụ bắt đầu phát triển. Trong tác phẩm này, hai tác giả đưa ra quan niệm mới về bản chất và chức năng của ngôn ngữ học tri nhận nói chung và ẩn dụ tri nhận nói riêng là nghiên cứu cách con người nhìn và nhận biết thế giới qua lăng kính ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Với ý nghĩa này, ẩn dụ được xem là một trong những chìa khoá mở ra sự hiểu biết những cơ sở của tư duy và các quá trình nhận thức những biểu tượng tinh thần về thế giới. “Chúng tôi thấy rằng ẩn dụ thâm nhập khắp trong cuộc sống hàng ngày, không chỉ trong ngôn ngữ mà còn cả trong tư duy và hành động. Hệ thống ý niệm thông thường của chúng ta, thông qua đó chúng ta tư duy và hành động, về cơ bản là có tính ẩn dụ.” (Lakoff & Johnson, 1980, tr.3). Trong quá trình giao tiếp, chúng ta có thể sử dụng ẩn dụ một cách tự nhiên nhưng chúng ta không thể chỉ ra một cách rõ ràng những quy tắc đưa đến quá trình chuyển di ý niệm giữa các lĩnh vực như thế. Chính vì vậy cần có những nghiên cứu về ẩn dụ từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận để khám phá những quá trình chuyển di ý niệm đó.

Những vấn đề liên quan đến lý thuyết tri nhận về ẩn dụ (ẩn dụ ý niệm) đã được giới thiệu kỹ lưỡng qua những tác phẩm được xem là “kinh điển”. *Women, Fire, and Dangerous Things: What Categories Reveal About the Mind* là công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm của George Lakoff được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1987. Tác giả đã giới thiệu một mô hình tri nhận dựa trên cơ sở ngữ nghĩa. Công trình này đã nhấn mạnh vai trò trung tâm của ẩn dụ được miêu

\* Email: lelamthi82@gmail.com

tả qua các ánh xạ của cấu trúc nhận thức từ một miền nguồn đến một miền đích khác. Công trình này còn nghiên cứu những tác động của ẩn dụ tri nhận đối với ngữ pháp của một số ngôn ngữ và nêu ra các bằng chứng về những hạn chế của các khái niệm triết học cổ điển thường được sử dụng để giải thích hoặc mô tả các phương pháp khoa học. Một công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm khác đáng chú ý là công trình *Metaphor: A Practical Introduction của Kovecses* (2010). Với công trình này, tác giả đã chỉ ra sự phát triển của lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận về ẩn dụ bằng cách giải thích những khái niệm cơ bản về phép ẩn dụ. Ông cũng phân tích những “hệ thống ẩn dụ”, “nguyên tắc bất biến”, “trải nghiệm hình ảnh tâm lý”, “lý thuyết pha trộn nhiều không gian”, và vai trò của các lược đồ hình ảnh trong suy nghĩ ẩn dụ... Ở Việt Nam, những công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm cũng khá nhiều. Tác giả Phan Thế Hưng (2009) trong luận án *Ẩn dụ dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận* (Metaphor in Cognitive Linguistics) đã tổng kết một cách đầy đủ những vấn đề cốt lõi trong lý thuyết về ẩn dụ ý niệm như khái niệm tri nhận cơ bản về ẩn dụ, sơ đồ ánh xạ, lược đồ hình ảnh, miền và ma trận miền, mô hình hai miền (domains) và mô hình bốn không gian tâm trí. Luận án còn sử dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm để phân tích, đối chiếu *Ẩn dụ cảm xúc*, *Ẩn dụ cấu trúc sự kiện*, *Ẩn dụ ý niệm về thời gian* trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đây là một công trình nghiên cứu ứng dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm vào phân tích, đối chiếu tiếng Anh và tiếng Việt rất có giá trị. Ngoài ra còn có các bài nghiên cứu của các tác giả trẻ như các luận văn thạc sĩ *Tìm hiểu ẩn dụ tiếng Việt từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận* Võ Thị Dung (2003), *Ẩn dụ tri nhận - Mô hình ẩn dụ cấu trúc trên cứ liệu ca từ Trịnh Công Sơn* của Nguyễn Thị Thanh Huyền (2009), *Miền ý niệm sông nước trong tri nhận người Việt* của Đinh Thị Vũ Trinh (2010), *Ẩn dụ trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận* của Trần Thị Mỹ Liên (2011).

Ẩn dụ ý niệm về con người cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Các công trình tiêu biểu về ẩn dụ ý niệm về con người có thể kể đến là *Ẩn dụ tri nhận về con người trong văn chương dân gian Nam Bộ* của Nguyễn Thị Kim Thoa (2013), *Ẩn dụ về con người trong ca dao Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* của Trần Thị Minh Thu (2016), *Ẩn dụ ý niệm cảm xúc trong thành ngữ tiếng Việt (so sánh với thành ngữ tiếng Anh)* của Trần Thế Phi (2016). Tuy nhiên, phạm vi của những công trình này chỉ giới hạn trong lĩnh vực ngôn ngữ văn học, ca dao, thành ngữ... Chúng tôi còn nhận thấy hầu hết các công trình nghiên cứu đều xuất phát từ ý niệm miền nguồn (ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT, NƯỚC, LỬA, BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI, CẢM GIÁC...), chưa có nhiều công trình xuất phát từ ý niệm miền đích để thiết lập lại những cấu trúc ánh xạ. Hơn nữa, trong quá trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm, chúng tôi nhận thấy phạm trù con người là một miền đích rất phổ biến trong các ánh xạ ẩn dụ ý niệm. Các nghiên cứu từ trước đến nay cũng chỉ tập trung vào khía cạnh TÂM LÝ, TÌNH CẢM, CẢM GIÁC, CẢM XÚC của con người, chưa có một đề tài độc lập nào nghiên cứu về sự ánh xạ ẩn dụ từ những miền nguồn khác nhau đến miền đích là VẸ ĐẸP NGOẠI HÌNH CỦA CON NGƯỜI.

Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo này, chúng tôi sẽ làm sáng tỏ những ẩn dụ ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong các tác phẩm văn học, tạp chí, phương tiện truyền thông trong tiếng Việt, phân tích mô hình ánh xạ của những ẩn dụ đó trong việc thể hiện tư duy của người Việt. Qua việc cung cấp một hệ thống ngữ liệu về ẩn dụ ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người, phân tích, luận giải những ẩn dụ ý niệm từ nguồn ngữ liệu, đề tài có thể trở thành nguồn tài liệu tham khảo bổ ích

cho giảng viên, sinh viên khi nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm (ẩn dụ tri nhận).

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Ẩn dụ ý niệm

George Lakoff, Mark Johnson và các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ học tri nhận khác đã đề xướng một quan điểm mới về ẩn dụ so với quan điểm của ngôn ngữ học truyền thống. Nếu trong ngôn ngữ học truyền thống, ẩn dụ dựa trên quan hệ tương đồng giữa hai thực thể trong thế giới khách quan thì trong ngôn ngữ học tri nhận đó là mối quan hệ giữa hai thực thể được xét đến ở cấp độ ý niệm của tư duy. Theo đó, ẩn dụ là một cơ chế tri nhận bao gồm một miền mà một phần được “ánh xạ” hay còn gọi là được phóng chiếu, vào một miền khác được hiểu theo miền đầu tiên. Miền được ánh xạ gọi là miền nguồn (source domain) và miền để sơ đồ ánh xạ tác động đến là miền đích (target domain). Trên cơ sở tổng kết những công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm của các nhà ngôn ngữ học đi trước, *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ điển* của Trần Văn Cơ (2011) đã nêu một khái niệm về ẩn dụ ý niệm như sau: “Ẩn dụ tri nhận hay còn gọi là ẩn dụ ý niệm (cognitive/conceptual metaphor) là một trong những hình thức ý niệm hoá, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới. Về nguồn gốc, ẩn dụ tri nhận đáp ứng năng lực của con người nắm bắt và tạo ra sự giống nhau giữa những cá thể và những lớp đối tượng khác nhau. Với cách tiếp cận chung này, ẩn dụ ý niệm được xem như là cách nhìn một đối tượng này thông qua một đối tượng khác và với ý nghĩa đó, ẩn dụ ý niệm là một trong những phương thức biểu tượng tri thức dưới dạng ngôn ngữ. Ẩn dụ ý niệm thường có quan hệ không phải với những thực thể cô lập, riêng lẻ và với những không gian tư duy phức tạp (những miền kinh nghiệm cảm tính và xã hội.)”

Chẳng hạn với ẩn dụ ý niệm LOVE IS A NUTRIENT (TÌNH YÊU LÀ CHẤT DINH DƯỠNG) (trích dẫn theo Kövecses, 2010), ta có sự tương đương giữa các phương diện của chất dinh dưỡng và tình yêu đạt đến được là nhờ thông qua các quá trình chiếu xạ như sau:

NUTRIENT (CHẤT DINH DƯỠNG)	LOVE (TÌNH YÊU)
người đói	người khao khát được yêu
thức ăn	tình yêu
cảm giác đói	sự khao khát yêu đương
nuôi dưỡng cơ thể	nuôi dưỡng tâm hồn
hiệu quả được nuôi dưỡng	kết quả của việc yêu

### 2.2. Quan niệm của người Việt Nam về vẻ đẹp từ truyền thống đến hiện đại

Quan niệm về vẻ đẹp ngoại hình của người Việt Nam đã có nhiều thay đổi từ xưa đến nay. Người xưa quan niệm người phụ nữ đẹp phải là người sở hữu khuôn *mặt trái xoan, lông mày lá liễu*, mặt có tướng phúc hậu, dáng người tròn trịa: *Khuôn trắng đầy đặn, nét ngài nở nang* (Nguyễn Du, Truyện Kiều). Người đẹp ngày xưa cũng phải là người sở hữu mái tóc dài và hàm răng đen: *Chân mày vòng nguyệt có duyên / Tóc mây dọn sóng đẹp duyên tơ hồng* (Ca dao), *Tóc đến lưng vừa chùng em búi / Để chi dài bối rối dạ anh* (Ca dao) hay *Trăm quan mua lấy miệng cười / Nghìn quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen* (Ca dao), *Răng đen nhưng nhưc hạt dưa / Miệng cười tím tím như chưa có chồng* (Ca dao). Ngày nay, chuẩn mực vẻ đẹp của

người phụ nữ cũng đã có nhiều thay đổi. Một người phụ nữ đẹp là một người có khuôn mặt V-line, thân hình gợi cảm, có sức quyến rũ. Người phụ nữ đẹp cũng phải sở hữu một mái tóc phù hợp với khuôn mặt và hàm răng trắng đều. Người phụ nữ hiện đại phải đẹp từ trang phục đến cách giao tiếp tự tin, phong thái nhanh nhẹn, năng động. Tuy nhiên, người phụ nữ Việt Nam thời kỳ nào cũng cần có sự hài hòa của “tứ đức” CÔNG, DUNG, NGÔN, HẠNH mới được coi là đẹp.

### 3. Phương pháp nghiên cứu và vật liệu nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng 2 phương pháp chính sau đây:

- Phương pháp thống kê: chúng tôi thu thập, thống kê, phân loại những biểu thức ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người trong từ điển, trong các tác phẩm văn học, trong tạp chí, trên các trang mạng điện tử.
- Phương pháp miêu tả: chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả và phân tích ẩn dụ từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận để phục hồi những ánh xạ ẩn dụ giữa hai miền ý niệm nguồn - đích, khám phá những cấu trúc ẩn dụ ý niệm nằm bên dưới lớp ngôn ngữ biểu đạt.

### 4. Kết quả nghiên cứu

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát, thống kê những cấu trúc mang nghĩa ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người trong *Từ điển tiếng Việt* (1995) của Hoàng Phê (chủ biên). Bên cạnh đó, chúng tôi còn khảo sát những ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người trên ngữ liệu thành ngữ, tục ngữ, ca dao - vốn được xem là nguồn ngữ liệu phong phú phản ánh những kinh nghiệm từ đời sống hàng ngày của mỗi cộng đồng người bản ngữ *Từ điển Thành ngữ Tiếng Việt* (2002) của Nguyễn Lực, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội (1978). Bên cạnh đó, chúng tôi còn nhận thấy ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ đời sống bao giờ cũng sinh động hơn nhiều so với những từ ngữ được miêu tả trong từ điển. Chính vì vậy, chúng tôi còn khảo sát những mẫu ngữ liệu có sử dụng ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người rút ra từ các tác phẩm văn học và một số website. Trên cơ sở thống kê 100 biểu thức ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người chúng tôi thu về một số kết quả như sau:

Những biểu thức ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người khá phong phú. Chúng tôi tạm chia những ẩn dụ này thành 2 loại: một là những ẩn dụ về vẻ đẹp toàn thể của con người và hai là những ẩn dụ về vẻ đẹp bộ phận (mắt đẹp, tóc đẹp, dáng người đẹp...). Kết quả thống kê số lượng ẩn dụ được trình bày trong bảng dưới đây:

**Bảng 1.** Kết quả thống kê những biểu thức ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người

STT	Ẩn dụ	Số lượng ẩn dụ	Ví dụ
<b>1. Vẻ đẹp toàn thể</b>			
1.1.	Vẻ đẹp ngoại hình	21	<i>Hoa nhường nguyệt thẹn; hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh; nghiêng nước nghiêng thành,...</i>
<b>2. Vẻ đẹp bộ phận</b>			
2.1	Khuôn mặt đẹp	7	<i>Mặt ngọc mây ngài, Mặt hoa da phấn, Mặt trái xoan,...</i>
2.2.	Mắt đẹp	25	<i>Những người con mắt lá răm / Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền; Mắt phượng mày ngài,...</i>

STT	Ẩn dụ	Số lượng ẩn dụ	Ví dụ
2.3	Tóc đẹp	17	<i>Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da; Tóc mây gọn sóng đẹp duyên tơ hồng,...</i>
2.4	Răng đẹp	5	<i>Miệng cười má đỏ trái hồng /Răng đều hạt bắp là hàng phu nhân,...</i>
2.5	Dáng người đẹp	10	<i>Những người thắt đáy lưng ong/ Đã khéo chiều chông lại khéo nuôi con,...</i>
2.6	Làn da đẹp	9	<i>Da trứng gà bóc, làn da tươi mát,...</i>
2.7	Tay chân đẹp	6	<i>Tay búp măng, tay ngà,...</i>
<b>Tổng</b>		<b>100</b>	

Bảng thống kê cho thấy ẩn dụ về đẹp bộ phận của con người trong tiếng Việt được hình thành từ nhiều miền nguồn khác nhau. Trong những ẩn dụ này, nổi bật nhất là ẩn dụ về *mắt đẹp*, chiếm 25% số lượng ẩn dụ được nghiên cứu. Trong khi đó, số lượng ẩn dụ về *răng đẹp* lại khá khiêm tốn (5%).

Kết quả thống kê cũng cho thấy có nhiều ẩn dụ về vẻ đẹp của con người được xây dựng trên sự tương đồng giữa vẻ đẹp của người phụ nữ và vẻ đẹp của hoa. Hoa được xem là hình mẫu phát triển của sự sống, là một biểu tượng cho sắc đẹp. Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam có rất nhiều *ẩn dụ hoa - vẻ đẹp của người phụ nữ* như *Mặt hoa da phấn; Hoa cười ngọc thốt; Hoa dung ngọc mạo; Hoa nhường nguyệt thẹn. Hoa lan, hoa huệ, anh thương hoa nào? / Anh còn thương hoa mạn, hoa đào / Hoa cam, hoa quýt biết vào tay ai?...* Trong các tác phẩm văn học, hoa cũng được sử dụng để miêu tả dung mạo đẹp của người phụ nữ như *Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*), *Trời sinh em kiếp hoa hồng / Tỏa hương khoe sắc mệnh mỏng đất trời* (Tuyền Linh, *Hoa hồng và tôi*)... Nếu như hoa thường được ẩn dụ hóa để chỉ sắc đẹp toàn thể của người phụ nữ thì có rất nhiều đối tượng được dùng với nghĩa ẩn dụ để miêu tả đôi mắt đẹp. Trong ca dao, tục ngữ, mắt đẹp là *mắt lá răm: Những người con mắt lá răm / Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền*; mắt đẹp là *mắt phượng: Da ngà mắt phượng; Mắt phượng mày ngài; Mày tằm mắt phụng*; mắt đẹp là *mắt bò câu: Cổ tay em trắng như thể gương tàu / Đôi mắt bò câu làm cho phải khổ...* Trong văn học, ta lại có hình ảnh ẩn dụ về đôi mắt đẹp là *mắt ngọc, mắt nhung và mắt nai: Tôi thích trộm nhìn đôi mắt ngọc / Thẹn thùng bờ ngõ mỗi lần hay* (Ngô Thiên Tú, *Mắt ngọc*); *Cả kinh thành có những ai? Cả kinh thành có một người mắt nhung!* (Nguyễn Bình, *Mắt nhung*); *Anh ngắm thật lâu đôi mắt nai / Hàng mi cong vút huyền láy dài* (Hoa Hồng, *Mắt nai*)... Ngoài ra, những hình ảnh đẹp trong thế giới tự nhiên như *mây, suối, tơ...* cũng được ẩn dụ hóa để chỉ mái tóc đẹp: *suối tóc, tóc mây, tóc tơ, Ru em mấy nhành suối tóc. Trôi dài trên đỉnh yêu thương. Chiều chiều ngập ngừng qua dốc. Mắt ai ghé vội ngọn nguồn? Suối tóc bồng bênh trên gió. Mệnh mỏng một cõi mệnh mỏng. Đan tay ta ngồi trên cỏ...* (Thiên Ân, *Suối tóc*).

Từ việc thống kê những biểu thức ẩn dụ thông qua khảo sát nguồn ngữ liệu ở trên, chúng tôi đã thiết lập nên ánh xạ ẩn dụ ý niệm như sau: **NGOẠI HÌNH ĐẸP CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN ĐÍCH TƯƠNG ỨNG VỚI HÌNH DÁNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG Ở MIỀN NGUỒN**. Ẩn dụ này được cụ thể hóa dưới dạng những biểu thức ngôn ngữ sau:

- **NGOẠI HÌNH ĐẸP CỦA CON NGƯỜI TƯƠNG ỨNG VỚI HÌNH DÁNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT**

*Mặt hoa da phấn, con mắt lá răm, tay búp măng, răng đều hạt bắp, má đào, cười nụ, mặt trái xoan,...*

- NGOẠI HÌNH ĐẸP CỦA CON NGƯỜI TƯƠNG ỨNG VỚI HÌNH DÁNG CỦA ĐỘNG VẬT

*Thắt đáy lưng ong, mắt bồ câu, mắt nai, râu hùm, hàm én, mày ngài, da trứng gà bóc,...*

- NGOẠI HÌNH ĐẸP CỦA CON NGƯỜI TƯƠNG ỨNG VỚI HÌNH DÁNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA HIỆN TƯỢNG, VẬT CHẤT TỰ NHIÊN

*Suối tóc, tóc mây, khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang, nét đẹp trăng rằm, làn thu thủy, nét xuân sơn, vẻ đẹp rực lửa,...*

- NGOẠI HÌNH ĐẸP CỦA CON NGƯỜI TƯƠNG ỨNG VỚI NGOẠI HÌNH, ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC

*Nàng Kiều, nàng tiên, dáng thiên thần, nàng Tây Thi,...*

- NGOẠI HÌNH ĐẸP CỦA CON NGƯỜI TƯƠNG ỨNG VỚI VỊ NGON CỦA ĐỒ ĂN

*Ngồi buồn giữa mặt trăng sao / Em giòn anh chỉ ước ao đêm ngày, nét đẹp mặn mà, cô này nhìn ngon quá, nhiều người thèm khát cô ấy...*

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy những tri thức đời thường về các đối tượng như *thực vật, động vật, hiện tượng tự nhiên, cảm giác*... đã làm cơ sở cho những ánh xạ cấu thành ẩn dụ ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người mà có lẽ nổi bật nhất là ánh xạ theo hình dáng của thực vật, động vật tương ứng với vẻ đẹp ngoại hình của con người.

**Bảng 2.** Sự ánh xạ từ các miền nguồn khác nhau đến miền đích về đẹp con người trong tiếng Việt

STT	Miền nguồn	Miền đích	Số lượng ẩn dụ	Ví dụ
1	Thực vật	Vẻ đẹp ngoại hình của con người	35	<i>Con mắt lá răm, lông mày lá liễu...</i>
2	Động vật		22	<i>Thắt đáy lưng ong, Đôi mắt bồ câu, mày ngài...</i>
3	Hiện tượng, vật chất tự nhiên		18	<i>Trăng mười sáu, Khuôn trăng đầy đặn, suối tóc, đường cong rực lửa</i>
4	Nhân vật, điển tích văn học		10	<i>Nàng Kiều, nàng tiên, nghiêng nước nghiêng thành...</i>
5	Cảm giác		8	<i>Anh thấy em giòn, muốn kết nhân duyên; Cô nàng này ngon quá.</i>
6	Các miền nguồn khác		7	<i>Cô nào mặt ngọc má hồng / Tôi đây muốn kết làm chồng nên chăng?</i>
<b>Tổng</b>			<b>100</b>	

Bảng thống kê cho thấy có rất nhiều miền nguồn ánh xạ đến miền đích về đẹp của con người, trong đó nổi bật nhất là miền nguồn thực vật và động vật. Số lượng ẩn dụ loại này chiếm 57% (thực vật 35%, động vật 22%) tổng số ẩn dụ được nghiên cứu. Chúng tôi sẽ phân tích những mô hình tri nhận của ẩn dụ ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người ở phần dưới đây.

## Sự ánh xạ từ miền nguồn thực vật và động vật đến miền đích vẻ đẹp ngoại hình của con người

Trong những suy nghiệm về thế giới, người Việt nhận thấy mình có một mối liên hệ chặt chẽ với những đối tượng khác tồn tại trong tự nhiên. Nền văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng và bị chi phối bởi nhiều đặc trưng của văn hóa phương Đông. Một trong những đặc trưng đó là coi trọng sự thống nhất, sự hài hòa giữa con người và những đối tượng khác trong tự nhiên. “Trong nhận thức của người phương Đông, thế giới xung quanh không phải là những mảnh ghép rời rạc nhau mà là một chỉnh thể có tính thống nhất giữa trời, đất và con người. Chính vì thế, trong triết học phương Đông một số lý thuyết triết học, như lý thuyết về “tam tài” (Trời - Đất - Người), lý thuyết “Thiên Nhân hợp nhất” (Trời với Người là một) luôn được các nhà triết học qua các thời đại ở các nước phương Đông đề cao” (Phạm Công Nhất, 2014). Người Việt là một dân tộc xuất phát từ môi trường sống văn minh nông nghiệp nên đời sống luôn gắn bó, gần gũi với cỏ cây, hoa lá, động vật. Chính vì thế, trong đời sống tâm thức của người Việt luôn có sự liên tưởng đến cây cỏ, động vật và lẽ dĩ nhiên, sự liên tưởng giữa vẻ đẹp của con người và vẻ đẹp của thực vật, động vật là điều tất yếu. Một người phụ nữ đẹp được ví như một bông hoa: *Mặt hoa da phấn*; một đôi mắt đẹp phải là *mắt lá râm, mắt bồ câu*, đôi mày đẹp phải là *mày lá liễu, mày ngài*, bàn tay đẹp phải là *tay búp măng*, hàm răng đẹp phải là *răng đều hạt bắp*, đôi má hồng thiếu nữ cũng được gọi là *má đào*, nét đẹp tiêu thư, đài cát được thể hiện qua hình ảnh *liễu yếu đào tơ*, dáng người đẹp phải là *thắt đáy lưng ong, vòng eo con kiến*... Những ánh xạ ẩn dụ cụ thể từ miền nguồn thực vật đến miền đích vẻ đẹp ngoại hình của con người là:

- CÓ HÌNH DÁNG GIỐNG THỰC VẬT LÀ ĐẸP (*mắt lá râm, lông mày lá liễu, răng đều hạt bắp, tay búp măng*...)

- CÓ ĐẶC ĐIỂM GIỐNG THỰC VẬT LÀ ĐẸP: (*mặt tươi rói, nụ cười nở hoa*,...)

- CÓ HÌNH DÁNG GIỐNG ĐỘNG VẬT LÀ ĐẸP (*râu hùm, hàm én, mày ngài, thắt đáy lưng ong, vòng eo con kiến, mắt bồ câu, mắt nai*...)

## Sự ánh xạ từ miền nguồn hiện tượng tự nhiên đến miền đích vẻ đẹp ngoại hình của con người

Những sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển tư duy con người. Chính vì thế, người Việt thường có mối liên tưởng giữa những thực thể trong thế giới tự nhiên như *sông, suối, trăng, sao, mây*... với những sự việc, hiện tượng khác trong đời sống. Khi miêu tả vẻ đẹp ngoại hình của con người, người Việt cũng thường sử dụng những hình ảnh như *trăng (nguyệt), suối, mây, sông* như *Hoa như lòng nguyệt thẹn, Chân mày vòng nguyệt có duyên / Tóc mây gợn sóng đẹp duyên tơ hồng; Vân xem trang trọng khác vờ / Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*), *Tóc mây ngày ấy đâu rồi nhỉ? Ta mãi theo tìm một dáng trôi*. (Ngọc Thạch, *Tóc mây*); *Mắt em là một dòng sông / Thuyền ta bơi lạng trong dòng mắt em* (Luu Trọng Lư, *Trăng lên*).

## Sự ánh xạ từ miền nguồn lửa đến miền đích vẻ đẹp ngoại hình của con người

Mary Catherine Bateson, nhà nhân chủng học văn hóa, cũng là một tác giả người Mỹ đã từng viết: “Loài người tư duy bằng các phép ẩn dụ và học qua các câu chuyện.” (nguyên văn: The human species thinks in metaphors and learns through stories). Thật vậy, cách con người

hiểu về thế giới (make sense of the world) luôn dựa vào thế giới vật chất bên ngoài. Vật chất theo nghĩa này là toàn bộ những gì bên ngoài mà não bộ con người có thể phản ánh, sao chép được vào ý thức. Vật chất chính là yếu tố trung gian hỗ trợ cách con người suy nghĩ. Trong các loại vật chất thì ý niệm về lửa được sử dụng khá rộng rãi để phản ánh những thuộc tính, đặc điểm của những đối tượng khác. Có rất nhiều mối liên tưởng sâu xa giữa ý niệm lửa và ý niệm về những phạm trù khác ẩn chìm trong thế giới tư duy, trong những tích lũy nhận thức về đời sống, trong những cảm xúc, trong trí tưởng tượng của người Việt. Tâm điểm của sự nối kết giữa hai miền ý niệm thường tập trung vào phạm trù lửa trong mối quan hệ với phạm trù con người. Trong tâm thức của người Việt khi nghĩ về sức hấp dẫn của vẻ đẹp bề ngoài, người Việt thường liên tưởng đến lửa. Người Việt cho rằng SỰ HẤP DẪN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ LÀ SỨC NÓNG CỦA LỬA. Một người phụ nữ có sức hấp dẫn về ngoại hình cũng được miêu tả với những từ ngữ về lửa bởi lẽ sự hấp dẫn của người phụ nữ cũng giống như lửa có khả năng làm nóng những người xung quanh. Trong tiếng Việt, không khó để tìm thấy những kiểu diễn đạt như:

- *Vẻ đẹp bốc lửa, vẻ đẹp rực lửa, đường cong rực lửa, thân hình nóng bỏng*
- *Kiều nữ bốc lửa bên Cúp FA ở Hà Nội*
- *Ngắm đường cong bốc lửa của mỹ nhân Nhật Bản*

### Sự ánh xạ từ miền nguồn cảm giác đến miền đích vẻ đẹp của con người

Trong tiếng Việt, chúng ta có thể nhận thấy sự phong phú trong từ đa nghĩa một cách hệ thống của những từ ngữ chỉ cảm giác như *ngon, dở, nóng, lạnh, chua, ngọt...* Về mặt ngôn ngữ học, lần theo những nét tương đồng nhận thức của từ đa nghĩa trong hành chức, chúng ta sẽ tìm thấy hệ thống ẩn dụ ý niệm tương ứng. Nói cách khác, hệ thống từ đa nghĩa chính là những dẫn ngữ minh họa cho các ẩn dụ, nhất là ẩn dụ phức và ẩn dụ trừu tượng. Có thể kể đến các ẩn dụ như *Cô ấy có vẻ đẹp ngọt ngào, Cô ấy có vẻ đẹp mặn mà, Cô này nhìn ngon quá, Có rất nhiều người thèm khát cô ấy, tôi ghen cô ấy lắm rồi...* Có thể thấy, các điển ngữ liệt kê bên trên trực tiếp hay gián tiếp đều là những ẩn dụ bản thể, tức đều được hình thành từ những trải nghiệm dưới dạng vật thể và chất liệu. Hiển nhiên trong một số trường hợp khi áp đặt một hiện tượng phi vật thể, phi chất liệu thành một vật thể thực thụ, với những chất liệu thực thụ, thậm chí có thể ăn được, có thể ném được, chẳng qua là người Việt muốn nhận thức về chúng với những mục đích khác nhau. Trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam, chúng ta còn gặp rất nhiều trường hợp người Việt sử dụng từ “giòn” để chỉ vẻ đẹp của người phụ nữ: *Vào vườn hái quả cau non / Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên, Trăng lên khỏi núi trăng tròn / Xuân xanh em má mà giòn rứa em ?, Ngồi buồn giữa mặt trông sao / Em giòn anh chỉ ước ao đêm ngày, Trèo lên cây gạo con con / Muốn lấy vợ giòn phải nặng tiền cheo...*

Ngoài ra, trong tiếng Việt còn có một số biểu thức ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người được xây dựng từ những hình ảnh của những nhân vật nữ nổi tiếng trong văn học Việt Nam và Trung Quốc. Ẩn dụ *nàng Kiều* hay *kiều nữ* được sử dụng khá phổ biến trong giao tiếp hàng ngày trong các tác phẩm văn học với nghĩa chỉ người đàn bà đẹp: *Trông xa thì tưởng nàng Kiều / Đến gần mới hóa người yêu Chí Phèo; Những nàng kiều nữ sông Hương, da thơm là phấn, môi hường là son.* (Nguyễn Bính, *Nữ sinh*). Thành ngữ *chim sa cá lặn* và *nghiêng nước nghiêng thành* lại có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc. Ngày nay mọi người đều hiểu thành



ngữ *chim sa cá lặn* là một cách nói ngoa dụ để chỉ người đàn bà rất đẹp, giống như cách hiểu thành ngữ "hoa hờn nguyệt thẹn", tức đẹp tới mức hoa phải hờn vì kém sắc, trăng phải thẹn vì kém tươi. Nhưng thực ra ý nghĩa ban đầu của thành ngữ này không phải như vậy. "Trang Chu, hay thường gọi là Trang Tử, người đời Chiến Quốc, học thức rất uyên bác, không môn gì không biết. Trong sách "Nam hoa kinh", ông chép rằng: Mao Tường và Lê Cơ là hai người đàn bà đẹp, cá thấy - chìm vào chôn hang sâu, chim thấy - bay cao (ngư kiến chi nhập thâm, điều kiến chi cao phi). Ý Trang Chu muốn nói rằng mọi sự trên đời đều là tương đối. Mao Tường, Lê Cơ tuy đẹp, song chỉ đẹp đối với người, chứ biết đâu trông thấy họ, cá chẳng sợ mà lặn sâu, chim chẳng sợ mà bay cao? Người sau hiểu khác hẳn nguyên ý ấy của Trang Chu. Sách "Thông tục biên" dùng thành ngữ "trầm ngư lạc nhạn" tức "chim rơi cá chìm" để chỉ nhan sắc người đàn bà cực đẹp". (sachhayonline.com). Thành ngữ *Nghiêng nước nghiêng thành* có nguồn gốc từ bài ca của Lí Diên Niên trong Hán thư: *Phương Bắc có giai nhân /... / Một liếc, người nghiêng thành. / Hai liếc, người nghiêng nước.* (Phương Bắc có người đẹp /... / Ngoảnh nhìn một cái làm thành người ta xiêu / Ngoảnh nhìn thêm một cái nữa làm nước người ta đổ). Từ đó, thành ngữ *nghiêng nước nghiêng thành* được dùng để chỉ sắc đẹp lộng lẫy của người con gái khiến người ta say đắm đến mê hồn.

## 5. Thảo luận và đề xuất

- Từ kết quả nghiên cứu, ta có thể khẳng định những mô hình ẩn dụ ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người trong tiếng Việt khá phong phú. Theo đó, những miền nguồn phổ biến là *thực vật, động vật, hiện tượng, vật chất trong thế giới tự nhiên, nhân vật văn học, cảm giác* đã phóng chiếu lên miền đích là vẻ đẹp ngoại hình của con người. Chúng tôi nhận thấy, đa số những ẩn dụ ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người đều được xây dựng trên cơ sở ánh xạ VẸ ĐẸP NGOẠI HÌNH CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN ĐÍCH TƯƠNG ỨNG VỚI HÌNH DÁNG CỦA NHỮNG ĐỐI TƯỢNG MIỀN NGUỒN. Những ánh xạ này tạo nên sự đa chiều, đa dạng trong cách nhìn thế giới của người Việt.

- Trong văn học dân gian hay trong lối nói hàng ngày, ta thường gặp những ẩn dụ về vẻ đẹp mộc mạc, nền nã, duyên dáng của người phụ nữ và thường đẹp người đi đôi với đẹp nét. Trong khi đó, trong các tác phẩm văn học hiện đại, ta thường gặp bóng dáng của giai nhân đi kèm với tâm trạng của nhân vật. Sắc đẹp của người phụ nữ dù chân chất, mộc mạc hay quý phái kiêu sa, ở thôn quê hay nơi thành thị cũng đều có sức mạnh chi phối. Nhưng thế nào là một phụ nữ đẹp, điều này thiết nghĩ khó mà đưa ra một mẫu số chung của tiêu chuẩn, bởi thẩm mỹ quan mỗi người một khác nhau. Có khi vẫn một mẫu người đó, xét ra có những điểm cần bổ khuyết, nhưng bởi lui tới nhau thường xuyên mà những dạng hình nó đã biến đổi khác. Hơn nữa ở mỗi thời đại, chúng ta nhận định khác nhau về định mức sắc đẹp, cái đẹp ngày xưa sẽ không hoàn toàn giống cái đẹp hiện tại và trong tương lai, chuẩn mực cái đẹp sẽ không còn như bây giờ. Nói đến thân hình người phụ nữ không phải xưa kia người ta không biết tới vẻ thanh tú, duyên dáng, trái với bây giờ người ta thường mơ tưởng tới tính cách bốc lửa, những đường cong nét nổi sao cho quyến rũ, không thể dùng những bộ y phục dài che kín hết những nét đẹp của thân hình.

- Trong cuộc sống, có những câu danh ngôn về cái đẹp rất hay: "Vẻ đẹp nằm trong mắt của người ngắm nhìn", "Cái đẹp không ở đôi má hồng của người thiếu nữ mà ở trong mắt của kẻ si tình". Mỗi người có những chuẩn mực riêng về cái đẹp, ai đó có thể bình thường trong mắt người này nhưng lại lộng lẫy trong mắt người khác. Sắc đẹp vô cùng quan trọng đối với người

phụ nữ nhưng còn tuyệt vời hơn nếu nó sánh đôi cùng với nhân cách, với tâm hồn, với trái tim tràn đầy yêu thương.

## 6. Kết luận

Từ xưa đến nay, vẻ đẹp ngoại hình của con người và đặc biệt là vẻ đẹp người phụ nữ rất được ca tụng. Dù nói theo cách bình dân hay được ngợi ca bằng những lời lẽ lãng mạn trong các tác phẩm văn học, vẻ đẹp ngoại hình của người phụ nữ vẫn gọi lên trong lòng người nhiều cảm xúc. Chính vì vậy, dù thời đại nào, trong hoàn cảnh nào, những ẩn dụ về vẻ đẹp ngoại hình của con người cũng rất đáng được quan tâm. Kết quả nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người trong tiếng Việt đã cho phép chúng tôi đi đến kết luận về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Bức tranh ngôn ngữ cụ thể với ý niệm về vẻ đẹp ngoại hình của con người đã cho thấy đặc thù của tư duy cũng như những nét văn hóa người Việt. Từ đó, chúng ta có thể khẳng định rằng việc sử dụng từ ngữ nói riêng và ngôn ngữ nói chung không chỉ bị chi phối bởi tính hệ thống, cấu trúc và ngữ nghĩa của ngôn từ mà còn phụ thuộc vào văn hóa, vào cách tri nhận thế giới khách quan của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ. Việc sử dụng ngôn ngữ là kết quả của một quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc trong việc duy trì và phát huy các giá trị văn hóa, nhận thức và ngôn ngữ.

## Tài liệu tham khảo

Kövecses, Zoltán (2010). *Metaphor: a practical introduction*, (2<sup>nd</sup> edition). Oxford: Oxford University Press.

Lakoff, George & Johnson, Mark (1980). *Metaphors we live by*. London: University of Chicago Press.

Lakoff, George (1987). *Woman, fire and the dangerous things: What categories reveal about the mind*. London: University of Chicago Press.

Phạm Công Nhất (2014). Sự khác biệt trong văn hóa Đông - Tây và những suy nghĩ đối với việc phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay. Truy cập từ trang: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=260350&print=true>.

Phan Thế Hùng (2009). *Ẩn dụ dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận (Trên cơ sở liệu tiếng Việt và tiếng Anh)*. Luận án tiến sĩ ngôn ngữ học. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Văn Cơ (2011). *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ điển*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.

## CONCEPTUAL METAPHORS FOR PHYSICAL BEAUTY IN VIETNAMESE

**Abstract:** In recent years, research on conceptual metaphors has attracted so much attention and there have been many research works on conceptual metaphors. However, most of them come from the concept of the source domain (animal, plant, water, fire, human body, feeling...), not many works come from the concept of target domains to reset the mappings. Furthermore, in the study of conceptual metaphors, it is found that human category is a very common target domain in conceptual metaphors. The research has so far focused only on the human aspects of psychological emotions and senses. There is no independent research on the metaphorical mapping from the different source domains to the target domain of human appearance. The purpose of this article is to deepen the analysis of mapping in conceptual metaphors from different source domains to the target domain of human appearance beauty.

**Keywords:** appearance, beauty, concept, metaphor, Vietnamese